

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Thông tư số 16/2012/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

2. Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

3. Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp và cho đến thời điểm cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.”

2. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 3 như sau:

“Hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này).

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; bản kế hoạch dự kiến thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường, trong đó có việc thực hiện quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn hàng hóa đối với vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1a Thông tư này).”.

4. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp điều chỉnh địa điểm sản xuất trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hồ sơ kèm theo văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với doanh nghiệp bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này);

b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và tài liệu chứng minh địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 02 (hai) năm liền kề trước đó;

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 (hai) năm liền kề trước đó.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này);

b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và tài liệu chứng minh địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.”.

6. Bổ sung Điều 9a sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Trường hợp thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Đối với doanh nghiệp hồ sơ gồm:

(i) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3a Thông tư này);

(ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc tài liệu chứng minh nội dung thay đổi của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Đối với tổ chức tín dụng hồ sơ gồm:

(i) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3a Thông tư này);

(ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp thay đổi trụ sở chính); văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng chấp thuận việc thay đổi tên chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch; văn bản của tổ chức tín dụng báo cáo việc thay đổi tên phòng giao dịch.

3. Trường hợp bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3b Thông tư này);

b) Tài liệu chứng minh địa điểm kinh doanh đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép, hồ sơ gồm văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép, trong đó nêu rõ lý do.”.

7. Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 10 như sau:

“4a. Báo cáo tình hình thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ, trong đó báo cáo rõ việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 22 Thông tư này).”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (theo mẫu tại Phụ lục 6a Thông tư này).”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này).

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).

5. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.”.

10. Bổ sung Điều 11a sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

3. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).

4. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm vàng tại thị trường Việt Nam trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (trường hợp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu trong năm kế hoạch) hoặc từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (trường hợp bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu) (theo mẫu tại Phụ lục 8 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu, nhập khẩu và phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).”.

12. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 như sau:

“Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm; cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu”.

13. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 15 như sau:

“1a. Đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh đối với doanh nghiệp và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng. Trong

thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo kết quả kiểm tra cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).”.

14. Bổ sung Điều 15a sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Khi có thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, thay đổi về địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này.

2. Trường hợp thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Doanh nghiệp gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 9a Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Quyết định điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

3. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đã được cấp phép, bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 9a Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố kiểm tra giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh đối với doanh nghiệp và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm kinh doanh mua, bán được đề nghị bổ sung hoặc địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng sau thay đổi. Trường hợp thay đổi tên địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố không kiểm tra tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng;

c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) về kết quả kiểm tra;

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Quyết định điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc gửi văn bản thông báo việc không chấp thuận đến doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. Thời hạn cấp Quyết định hoặc gửi văn bản thông báo đối với trường hợp thay

đổi tên địa điểm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp thay đổi địa chỉ địa điểm là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Thủ tục đề nghị được chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện văn bản đề nghị được chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Quyết định điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho doanh nghiệp, tổ chức tín dụng.

5. Quyết định điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng là bộ phận không tách rời của Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm

1. Doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu để gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 8, Điều 11 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Khi có thay đổi liên quan đến nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận, Giấy phép. Doanh nghiệp nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 8a, Điều 11a Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

3. Đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, căn cứ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 16 Thông tư này).

4. Đối với thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm, căn cứ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và tại Thông tư này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ

hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 17 Thông tư này). Thời hạn có giá trị của Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được xác định căn cứ theo hợp gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và tối đa là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày cấp phép. Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép. Khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu được xác định căn cứ hợp đồng gia công và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

5. Đối với thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, căn cứ quy định về điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP, tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (trường hợp thay đổi địa điểm sản xuất), trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét và cấp Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 21 Thông tư này). Quyết định điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

6. Đối với thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm, căn cứ hợp đồng điều chỉnh và các quy định tại Thông tư này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Quyết định điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 21 Thông tư này). Trong trường hợp điều chỉnh thời hạn Giấy phép, thời hạn điều chỉnh được xác định căn cứ theo hợp gia công điều chỉnh và tối đa là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép lần đầu. Trường hợp điều chỉnh khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng điều chỉnh được xác định căn cứ hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 02 (hai) bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố để được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.

2. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị xem xét việc cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối). Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có ý kiến về việc doanh nghiệp có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư này, bao gồm cả việc thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường và sự phù hợp giữa Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp và nhu cầu nhập khẩu của doanh nghiệp;

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép của doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 17 (mười bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi văn bản thông báo việc chấp thuận hoặc từ chối cấp phép đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 15 Thông tư này).

5. Thời hạn có giá trị của Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ được xác định căn cứ kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp và tối đa là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày cấp.

6. Định kỳ hàng quý hoặc khi cần thiết, trên cơ sở báo cáo của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Các văn bản, tài liệu trong hồ sơ quy định tại Mục 3 Thông tư này phải là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.”

18. Bổ sung Mục 4a sau Mục 4 như sau:

“Mục 4a

HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

Điều 18a. Hồ sơ, thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

- a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:
- (i) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;
 - (ii) Bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng;
 - (iii) Bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (nếu có);
- b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định chấm dứt kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (theo mẫu tại Phụ lục 19 Thông tư này).

2. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Vụ Quản lý ngoại hối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 19 Thông tư này);

b) Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 18b. Hồ sơ, thủ tục chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

a) Doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hồ sơ gồm:

(i) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, trong đó nêu rõ lý do;

(ii) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp;

(iii) Bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra Quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (theo mẫu tại Phụ lục 20 Thông tư này).

2. Trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra Quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (theo mẫu tại Phụ lục 20 Thông tư này);

b) Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về việc chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Định kỳ hàng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Quản lý ngoại hối) tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 12 Thông tư này).

2. Định kỳ hàng quý, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) tình hình cấp, thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trong tháng liền kề trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 12a Thông tư này) kèm bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

3. Định kỳ hàng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo tình hình mua vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp trên địa bàn trong tháng liền kề trước đó gửi cơ quan quản lý thị trường, cơ quan quản lý thuế để phối hợp theo dõi, kiểm tra.

4. Khi cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, khi cấp, điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm cho doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi 01 (một) bản sao đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

5. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo tháng: ngày 10 (mười) của tháng tiếp theo;

b) Đối với báo cáo quý: ngày 20 (hai mươi) của tháng đầu tiên quý tiếp theo;

c) Đối với báo cáo năm: ngày 20 (hai mươi) tháng 1 (một) của năm tiếp theo.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Trách nhiệm báo cáo của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng

1. Định kỳ hàng ngày, tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tình hình kinh doanh mua, bán vàng miếng. Báo cáo ngày gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) theo mẫu tại Phụ lục 10a Thông tư này. Báo cáo tháng, năm gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo mẫu tại Phụ lục 10 Thông tư này.

2. Định kỳ hàng quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp kinh doanh vàng thực hiện báo cáo tình hình kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định sau:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ thực hiện báo cáo hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 11 Thông tư này); Báo cáo tình hình chấp hành quy định của pháp luật về đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường (theo mẫu tại Phụ lục 22 Thông tư này);

b) Doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm thực hiện báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này).

3. Định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tình hình thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, sản xuất, tiêu thụ vàng trang sức, mỹ nghệ từ vàng nguyên liệu nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 6 Thông tư này).

4. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này như sau:

- a) Đối với báo cáo định kỳ hàng ngày: 14 giờ của ngày làm việc tiếp theo;
- b) Đối với báo cáo định kỳ hàng tháng: ngày 05 (năm) của tháng tiếp theo;
- c) Đối với báo cáo định kỳ hàng quý: ngày 15 (mười lăm) của tháng đầu tiên quý tiếp theo;
- d) Đối với báo cáo định kỳ hàng năm: ngày 15 (mười lăm) tháng 01 (một) của năm tiếp theo.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm

nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tình hình thực hiện hợp đồng gia công kèm theo Bảng thanh khoản hợp đồng gia công có xác nhận của hải quan.

6. Trong trường hợp nội dung báo cáo tại khoản 1 Điều này được quy định tại chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.”.

21. Bổ sung vào phần Phụ lục kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-NHNN các Phụ lục sau: Phụ lục 1a, Phụ lục 3a, Phụ lục 3b, Phụ lục 7a, Phụ lục 10a, Phụ lục 12a, Phụ lục 18, Phụ lục 19, Phụ lục 20, Phụ lục 21, Phụ lục 22.

Điều 2.

1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 16/2012/TT-NHNN.

2. Thay đổi cụm từ “tờ khai Hải quan” bằng cụm từ “bảng kê các tờ khai Hải quan” tại khoản 4 Điều 10, khoản 5 Điều 13, khoản 4 Điều 14, Phụ lục 8, Phụ lục 9 Thông tư số 16/2012/TT-NHNN.

3. Thay thế Phụ lục 6, 7, 10, 11, 12, 13, 16, 17 kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-NHNN bằng Phụ lục 6, 7, 10, 11, 12, 13, 16, 17 kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh vàng có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nguyễn Thị Hồng

PHỤ LỤC 1a

TÊN DOANH NGHIỆP
Số:../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

**BẢN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ
LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Địa điểm sản xuất:

Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:

2. Kế hoạch thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường như sau:

- Loại vàng trang sức, mỹ nghệ dự kiến sản xuất;

- Tiêu chuẩn công bố áp dụng dự kiến, kế hoạch thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng, việc ghi nhãn sản phẩm và các trách nhiệm khác theo quy định về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường.

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường và các quy định pháp luật có liên quan.

**Đại diện có thẩm quyền
của doanh nghiệp**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3a

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
DOANH NGHIỆP
 Số:...../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA CHỈ
 ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:
5. Giấy phép hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/NĐ-CP ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và hướng dẫn tại Thông tư số... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cho phép thay đổi tên và/hoặc địa chỉ địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng cho (tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp) như sau:

| STT | Tên, địa chỉ địa điểm trước khi thay đổi | Tên, địa chỉ địa điểm sau khi thay đổi | Lý do thay đổi |
|-----|--|--|----------------|
| 1 | | | |
| ... | | | |

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Đại diện có thẩm quyền
của tổ chức tín dụng/doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Tổ chức tín dụng/doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

PHỤ LỤC 3b

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
DOANH NGHIỆP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG ĐỊA ĐIỂM
 KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:
5. Giấy phép hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/NĐ-CP ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/ NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Thông tư số... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cho phép bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng cho (tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp) như sau:

| STT | Tên địa điểm | Địa chỉ | Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động chi nhánh/đăng ký doanh nghiệp |
|-----|--------------|---------|--|
| 1 | | | |
| ... | | | |

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Đại diện có thẩm quyền
của tổ chức tín dụng/doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Tổ chức tín dụng/doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

PHỤ LỤC 6

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:...../....

Điện thoại: Fax:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối);
 - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố... .

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHẬP KHẨU VÀNG VÀNG NGUYÊN LIỆU
 ĐỂ SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

(Áp dụng cho doanh nghiệp nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Báo cáo từ... đến...

| Hạng ngạch (Kg) | Tồn đầu kỳ | | Nhập khẩu | | Loại | Sản xuất | | Tồn cuối kỳ | |
|-----------------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|---|--------------------|------------------|--------------------|------------------|
| | Khối lượng (Kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (Kg) | Giá trị (USD) | | Khối lượng (Kg) | Giá trị (VND) | Khối lượng (Kg) | Giá trị (USD) |
| | | | | | 1. Nhẫn - Nhẫn tròn, trơn - Nhẫn khác 2. Dây 3. Mặt dây chuyền ... | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | |

Người lập biểu*(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)***Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Hồ sơ gửi kèm:**

- Bộ hồ sơ nhập khẩu, chứng từ nhập kho vàng nguyên liệu;
- Bảng kê các tờ khai Hải quan;
- Phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan.

PHỤ LỤC 6a

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:...../...

Điện thoại: Fax:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.....

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ NĂM ...*(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu)*

| STT | Tên hàng | Hàm lượng vàng (kara) | Đơn vị tính | Số lượng | Tổng khối lượng (kilôgam) | Thời gian sản xuất 1 đơn vị | Khối lượng vàng nguyên liệu 99,99% sử dụng để sản xuất | Giá trị (VND) | Nguồn nguyên liệu để sản xuất (nhập khẩu, mua ngoài thị trường...) | Ghi chú |
|------------------|--|-----------------------|-------------|----------|---------------------------|-----------------------------|--|---------------|--|---------|
| 1 | Nhẫn - Nhẫn tròn, trơn - Nhẫn khác | | | | | | | | | |
| 2 | Dây | | | | | | | | | |
| 3 | Mặt dây chuyền | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Đối với nhẫn tròn, trơn, đề nghị doanh nghiệp ghi rõ các đặc điểm về trọng lượng nhẫn (loại 1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ, 1 lượng...) và có đóng vỉ hay không, khối lượng cụ thể của từng loại.

Người lập biểu*(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)***Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 7

TÊN DOANH NGHIỆP
Số:...../...
Điện thoại: Fax:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU,
SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

(Áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)
Báo cáo từ... đến...

| Hạn ngạch (kilôgam) | Tồn đầu kỳ | | Nhập khẩu | | Sản xuất | | Xuất khẩu | | Tồn cuối kỳ | |
|---------------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|
| | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) |
| | | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | | |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

- Bảng kê các tờ khai hải quan;
- Phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan.

PHỤ LỤC 7a

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:...../...

Điện thoại:

Fax:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Kính gửi:.....

BẢNG KÊ CÁC TỜ KHAI HẢI QUAN (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU/TẠM NHẬP TÁI XUẤT)

| STT | Số tờ khai | Ngày đăng ký | Sản phẩm xuất khẩu | | Vàng nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng để sản xuất, gia công sản phẩm xuất khẩu (chi tiết đối với từng tờ khai) | |
|-------------|------------|-----------------|-------------------------|---------------|--|-------------------------|
| | | | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) | Loại vàng | Khối lượng (kilôgam) |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| Tổng | | | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 10TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...

Điện thoại:... Fax:...

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối;
Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG*(Áp dụng cho doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp**Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng)***Báo cáo từ... đến...**

| Ngày/tháng/năm | Doanh số mua | | Doanh số bán | |
|----------------|-----------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| | Khối lượng (lượng) | Giá trị (VND) | Khối lượng (lượng) | Giá trị (VND) |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng | | | | |

Người lập biểu*(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)***Đại diện có thẩm quyền của tổ chức****tín dụng, doanh nghiệp***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 10a

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số.../...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện thoại: Fax:

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG HÀNG NGÀY

Ngày... tháng... năm...

Đơn vị: lượng, VND

| STT | Tên khách hàng | Doanh số mua | | Tổng khối lượng (lượng) | Doanh số bán | | | Tổng giá trị (VND) |
|-----|------------------------|--------------------|---------------|-------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|
| | | Khối lượng (lượng) | Giá trị (VND) | | Khách hàng mua từ 5 - 10 lượng | Khách hàng mua từ 10 - 50 lượng | Khách hàng mua > 50 lượng | |
| 1 | Khách hàng cá nhân | | | | | | | |
| 2 | Khách hàng tổ chức (*) | | | | | | | |
| | Khách hàng A | | | | | | | |
| | Khách hàng B | | | | | | | |
| | Tổng | | | | | | | |

Ghi chú: (*) Liệt kê từng khách hàng

Người lập biểu

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 12

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH/
THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG**Báo cáo quý/năm...**

1. Hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh trên địa bàn

1.1. Số lượng doanh nghiệp:

1.2. Số liệu báo cáo tổng hợp:

| Loại vàng (hàm lượng vàng theo kara) | Khối lượng sản xuất (kilôgam) | Trị giá (triệu đồng) | Lũy kế từ đầu năm (kilôgam) | Thay đổi so kỳ trước (%) | Dự kiến kỳ tiếp theo (kilôgam) |
|---|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng | ... | ... | | | |

1.3. Vướng mắc, kiến nghị:

2. Hoạt động nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn

1.1. Số lượng doanh nghiệp:

1.2. Số liệu báo cáo tổng hợp:

| Loại vàng | Hạn ngạch (kilôgam) | Tồn đầu năm | | Nhập khẩu | | Sản xuất | | Tồn cuối năm | |
|--------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|-------------------------|------------------|-------------------------|------------------|-------------------------|---------------------|
| | | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (USD) |
| | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | |

2.3. Vướng mắc, kiến nghị:

3. Hoạt động nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài trên địa bàn

3.1. Số lượng doanh nghiệp:

3.2. Số liệu báo cáo tổng hợp:

| Loại vàng | Hạn ngạch | Tồn đầu kỳ | | Thực nhập | | Thực xuất | | Tồn cuối kỳ | |
|-------------|-----------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|
| | | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kilôgam) | Giá trị (VND) |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | |

3.3. Vướng mắc, kiến nghị:

4. Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Người lập biểu
(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. Chính sửa thông tin Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trong tháng báo cáo

| STT | Tên doanh nghiệp | Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ | | Nội dung thông tin thay đổi | | Văn bản chấp thuận chỉnh sửa | |
|-----|------------------|---|----------|-----------------------------|------------------|------------------------------|------|
| | | Số | Ngày cấp | Trước khi thay đổi | Sau khi thay đổi | Số | Ngày |
| | | | | | | | |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với báo cáo lần đầu tiên kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi kèm theo danh sách các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ hiện có, chi tiết về tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

PHỤ LỤC 13**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

*Hà Nội, ngày... tháng... năm...***GIẤY PHÉP
KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Cho phép:**

1. Tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Vốn điều lệ:

hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 2. Tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại các chi nhánh/địa điểm kinh doanh trong danh sách đính kèm Giấy phép này; Niêm yết công khai bản sao có chứng thực Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và danh sách chi nhánh/địa điểm kinh doanh tại các điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tín dụng/doanh nghiệp có trách nhiệm: (trách nhiệm của tổ chức tín dụng/doanh nghiệp hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng theo quy định hiện hành).

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy phép này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp, ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh...

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- NHNN Chi nhánh...
- Lưu: VP, QLNH (2).

PHỤ LỤC 16

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH/
THÀNH PHỐ...
Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC MỸ NGHỆ**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH.....

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số..... hướng dẫn Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hồ sơ kèm theo của.....,

CHỨNG NHẬN:

Điều 1. Chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa điểm sản xuất:

đủ điều kiện và được phép hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

Điều 2. Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số... ngày... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHNN (Vụ QLNH) (để b/c);
- Lưu: Chi nhánh.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 17

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
**CHI NHÁNH TỈNH/
THÀNH PHỐ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU
ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH....

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm và hồ sơ kèm theo của...;

QUYẾT ĐỊNH

1. Cho phép doanh nghiệp... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng... Kg (Bằng chữ) qua cửa khẩu.... trong năm.... để tái xuất sản phẩm, cụ thể như sau:

| Loại vàng (K) | Khối lượng (Kg) |
|----------------------|------------------------|
| 24K | |
| 18K | |
| | ... |
| Tổng | |

Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép.

2. Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số... ngày... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố... (để p/hợp);
- NHNN (Vụ QLNH) (để b/c);
- Lưu: Chi nhánh.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 18

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH/
THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU
ĐỂ SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH....

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hồ sơ kèm theo của Công ty;

QUYẾT ĐỊNH

1. Cho phép doanh nghiệp... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng... Kg (*Bằng chữ.....*) qua cửa khẩu..... để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, cụ thể như sau:

| Loại vàng (K) | Khối lượng (Kg) |
|----------------------|------------------------|
| 24K | |
| 18K | |
| | ... |
| Tổng | |

2. Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số... ngày... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

Nơi nhận:

- Công ty...;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố... (để phối hợp);
- NHNN (Vụ QLNH) (để b/c);
- Lưu: Chi nhánh.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 19**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**V/v chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng****THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số /2015/TT-NHNN ngày / / của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét văn bản đề nghị số ngày của (tên doanh nghiệp, tổ chức tín dụng) và hồ sơ kèm theo;/Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số ngày của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

Theo đề nghị của Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp/tổ chức tín dụng sau:

Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

Địa chỉ trụ sở chính:

Vốn điều lệ:

Điều 2. (Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, (tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng) có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- NHNN chi nhánh;
- Lưu: VP, QLNH.

THỐNG ĐỐC

PHỤ LỤC 20

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH/
THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Số:...../.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH.....

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét văn bản đề nghị số ngày của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo, Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số ngày của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Điều 2. (Trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- NHNN (Vụ QLNH) (để báo cáo);
- Lưu: Chi nhánh.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 21

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH/
THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Số:...../.....

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/
Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của
(tên doanh nghiệp) lần thứ...**

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH...

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Xét văn bản đề nghị số ngày của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Các nội dung... tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) số... ngày... được điều chỉnh như sau:

Điều 2. Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- NHNN (Vụ QLNH) (để báo cáo);
- Lưu: Chi nhánh.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 22

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:../...

Điện thoại:

Fax:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
VỀ ĐO LƯỜNG, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀNG TRANG SỨC,
MỸ NGHỆ LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG****Báo cáo quý/năm.....**

1. Tình hình thực hiện quy định về việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ

2. Tình hình thực hiện quy định về việc ghi nhãn đối với sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)